TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 8 - 2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Hoàng Minh Châu**

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh -** Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, về việc "**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn**: **Anh Phan Văn N, sinh năm 1977 (Có mặt)**

Địa chỉ: Số N23 đường M, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Chị Hoàng Thị Kiều O, **sinh năm 1978**

Địa chỉ: Số N23 đường M, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26/7/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Văn Nam trình bày:*

Anh N và chị O qua tìm hiểu, tự nguyện quen biết yêu thương nhau rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 691 ngày 26/10/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại khu tập thể Bưu điện huyện T,

tỉnh Kiên Giang. Đến năm 2007, vợ chồng mới chuyển về địa chỉ số 58 đường C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Đến tháng 01/2017, về sống tại địa chỉ số N23 đường M, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang đến nay. Trong quá trình chung sống thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2003 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được tiền nói chung. Một phần là do tôi thường xuyên đi uống rượu nên chị O bất mãn trong cách sống dẫn đến xúc phạm gia đình bên chồng, mẹ chồng cũng như anh chị chồng. Mẫu thuẫn vợ chồng kéo dài mặt dù vợ chồng cố gắng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân nhưng không được mà ngày càng trở nên căn thẳng, không còn vui vẽ hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh N khởi kiện xin ly hôn với chị O.

Trong quá trình chung sống anh N và chị O có 01 người con chung tên Phan Hoàng Uyên V, sinh ngày 19/01/2004. Hiện nay đang sống cùng với anh N, chị O.

Tại phiên tòa, anh N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Hoàng Thị Kiều O.

- Về con chung: Anh N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung: Anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai cũng như tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn chị Hoàng Thị Kiều O trình bày:*

Chị O thống nhất với phần trình bày của anh N về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị O cho rằng lý do ly hôn anh N trình bày là không đúng mà do anh N có người phụ nữ khác bên ngoài nên tình cảm vợ chồng mới rạng nứt dẫn đến việc anh N yêu cầu ly hôn.

- Về hôn nhân: Chị O đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N nhưng yêu cầu Tòa án xét xử cho anh N đơn phương ly hôn.

- Về con chung: Chị O đồng ý giao người con tên Phan Hoàng Uyên V, sinh ngày 19/01/2004 cho anh N chăm sóc nuôi dưỡng, chị O không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung: Chị O xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hoàng Thị Kiều O vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Phan Văn N khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung với bị đơn chị Hoàng Thị Kiều O và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng chị Oanh có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Tại phiên toà nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt chị Hoàng Thị Kiều O.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Văn N và chị Hoàng Thị Kiều được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường L thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 691, ngày 26/10/2002 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn: Trong quá trình chung sống anh N và chị O thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình, cách sống, cách suy nghĩ của mỗi người không hòa hợp nên không tìm được tiếng nói chung, từ đó, anh N, chị O không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc khác, chị O cũng không còn tin tưởng anh N, chị O cho rằng anh N quen người phụ nữ khác bên ngoài. Ngoài ra, anh N, chị O đã có khoảng thời gian không sinh hoạt vợ chồng từ năm 2014 cho đến nay mặc dù anh Nam, chị O vẫn ở chung một nhà nhưng anh chị không hàn gắn được. Từ những mâu thuẫn trên cuộc sống vợ chồng giữa anh N, chị O không còn tôn trọng yêu thương, chung thủy mà ngày càng trở nên căn thẳng. Theo quy định của pháp luật về quan hệ hôn nhân gia đình thì phải trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh N, chị O mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Văn N đối với chị Hoàng Thị Kiều O là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Phan Văn N và chị Hoàng Thị Kiều O có 01 người con chung tên Phan Hoàng Uyên V, sinh ngày 19/01/2004. Anh N có nguyện vọng được nuôi con và chị O cũng đồng ý giao con cho anh N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Mặc khác, theo nguyện vọng của cháu V cũng mong muốn được sống với cha (được thể hiện tại biên bản nguyện vọng ngày 26/7/2018 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh N không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, nợ chung: Anh N, chị O xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ, phí số 0004691 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Văn N về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn chị Hoàng Thị Kiều O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn N được ly hôn với chị Hoàng Thị Kiều O.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con tên Phan Hoàng Uyên V, sinh ngày 19/01/2004 cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh N không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hoàng Thị Kiều O có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Anh Phan Văn N và chị Hoàng Thị Kiều O xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phan Văn N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0004691 ngày 15/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2018). Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thùy Linh